TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101/2023/DS-ST.
Ngày: 22-12- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Võ Văn Thỏ

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thuận Phát** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2023/TLST – DS ngày 20/10/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2023/QĐXXST – DS ngày 16/11/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn V, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện ủy quyền của ông Vông Dương Phúc N(Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- ***Bị đơn:***

1. Ông Huỳnh Tương L(xin vắng mặt)

2. Bà Văn Thị Kim E(Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày như sau:

Vào năm 2019, ông V có bán thức ăn gia súc (thức ăn gà) cho vợ chồng ông Huỳnh Tương L và bà Văn Thị Kim E. Việc mua bán giữa ông V và vợ chồng ông L và bà E không có lập hợp đồng mua bán, mà chỉ có sổ theo dõi mua bán hàng. Và giữa hai bên có thỏa thuận thống nhất với nhau về mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 28/03/2021, sau khi chốt sổ nợ thì vợ chồng ông L và bà E đã thừa nhận còn nợ lại ông V số tiền là 158.695.000 đồng và sau đó vợ chồng ông L và bà E có hứa sẽ tranh thủ sớm trả đủ số tiền còn nợ trên cho ông V.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại thì vợ chồng ông L và bà E vẫn chưa trả nợ cho ông V, ông V đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu vợ chồng ông L và bà E trả nợ nhưng ông, bà chỉ hứa cho qua lề chứ không có thiện chí thực hiện việc trả nợ cho ông V.

Tại phiên tòa hôm nay ông N đại diện cho nguyên đơn yêu cầu: Vợ chồng ông Huỳnh Tương L và bà Văn Thị Kim E có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông V số tiền còn nợ lại là 158.695.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày 28/03/2021 cho đến ngày xét xử là ngày 22/12/2023 với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tổng số tiền lãi là 43.203.127 đồng (đồng ý lấy chẵng số tiền lãi là 40.000.000 đồng). Tổng tiền gốc và lãi mà vợ chồng ông L và bà E phải trả cho ông V với tổng số tiền là: 158.695.000 đồng *(tiền gốc)* + 40.000.000 đồng *(tiền lãi)* = 198.695.000 đồng

- Bị đơn bà Văn Thị Kim E ý kiến trình bày:

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và yêu cầu của ông Phạm Văn V1 yêu cầu của ông V2 cũng đồng ý trả số nợ theo như ông V3 cầu nhưng hiện tại do điều kiện hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần nên bà xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ theo yêu cầu của ông V

- Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 11/10/2023 ông Huỳnh Tương L1 kiến trình bày:

Ông là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Phạm Văn Văn V4 có nhận được thông báo thụ lý và hòa giải, công khai chứng cứ nhưng do điều kiện tôi đi làm ăn xa không tiện về tham dự được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi. Giao cho vợ tôi là Văn Thị Kim E1 tôi tham gia giải quyết vụ án. Mọi ý kiến và quyết định của vợ tôi cũng là ý kiến và quyết định của tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục**: tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn nhưng có ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn ông Huỳnh Tương L2 đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn Vông Huỳnh Tương L3.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng: Vào năm 2019, có bán thức ăn gia súc (thức ăn gà) cho vợ chồng ông Huỳnh Tương L3 và bà Văn Thị Kim E. Việc mua bán giữa ông V và vợ chồng ông L và bà E không có lập hợp đồng mua bán, mà chỉ có sổ theo dõi mua bán hàng. Và giữa hai bên có thỏa thuận thống nhất với nhau về mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật. Đến ngày 28/03/2021, sau khi chốt sổ nợ thì vợ chồng ông L và bà E đã thừa nhận còn nợ lại ông V số tiền là 158.695.000 đồng. Vợ chồng ông L và bà E có hứa sẽ tranh thủ sớm trả đủ số tiền còn nợ trên. Tuy nhiên, phía vợ chồng ông Lbà E2 thực hiện việc trả nợ nên phía ông V5 kiện và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn yêu cầu phía ông Lbà E3 trách nhiệm liên đới trả cho ông V6 tiền nợ gốc còn lại là 158.695.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền lãi chậm trả nợ từ ngày 28/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tổng cộng là 198.695.000 đồng.

Phía bị đơn bà Kim E4 thừa nhận việc mua bán giữa vợ chồng bà với ông V7 như thừa nhận còn thiếu ông V6 tiền nêu trên và cũng đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét việc thừa nhận nợ của bị đơn đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, sau khi mua bán tính đến ngày 28/3/2021 phía vợ chồng bà E5 Lcòn nợ ông V6 tiền mua bán thức ăn là 158.695.000 đồng chưa trả nên việc nguyên đơn yêu cầu phía vợ chồng ông Lbà E6 số tiền nợ gốc chưa trả là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nghĩ nên chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà E4 thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền theo yêu cầu phía nguyên đơn nhưng cho rằng việc nợ nguyên đơn là do khi mua bán với nguyên đơn là do gia đình bà làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn, việc này chồng bà ông L4 biết và cũng đồng ý trả nợ nhưng do không có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn một lần mà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nguyên đơn yêu cầu. Xét việc bà E7 rằng nợ là nợ chung của vợ chồng bà và ông L4 cũng đồng ý trả, tại đơn xin xét xử vắng mặt phía ông L4 giao quyền cho bà E7 nên việc nguyên đơn yêu cầu phía vợ chồng ông L5 Ecó trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014. Đối với ý kiến của bà E8 việc xin rả dần số tiền nợ cho nguyên đơn, nhưng tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn không đồng ý nên việc xin trả dần số nợ các bên có thể thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án. Từ những nhận định trên thì việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Eông L6 đới trả tiền nợ mua thức ăn còn thiếu với số tiền 158.695.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn Văn Thị Kim E9 Huỳnh Tương L2 trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn V8 tiền mua thức ăn còn thiếu là 158.695.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn từ ngày 28/03/2021 âm lịch nhằm ngày 15/11/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng x 33 tháng 21 ngày với số tiền tính tròn là 40.000.000 đồng. Thấy rằng, từ ngày 28/3/2021 vợ chồng ông Lbà E10 nhận còn nợ ông V8 tiền 158.695.000 đồng hứa trả nhưng đến nay chưa thực hiện nên phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà E9 lai trả số tiền lãi chậm trả với số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự và phía bị

đơn cũng đồng ý trả số tiền lãi suất do chậm trả nợ cho nguyên đơn nhưng xin trả dần số tiền này. Tuy nhiên, việc bị đơn xin trả dần phía đại diện nguyên đơn không chấp nhận. Việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thỏa thuận ở giải đoạn thi hành án. Vì vậy, buộc bà Văn Thị Kim E11 ông Huỳnh Tương L7 đới trả cho ông Phạm Văn V8 tiền lãi chậm trả nợ với số tiền là 40.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà Văn Thị Kim E11 ông Huỳnh Tương L7 đới trả cho ông Phạm Văn V9 198.695.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 158.695.000 đồng và tiền lãi chậm trả nợ là 40.000.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Văn Thị Kim E9 Huỳnh Tương L3 cùng chịu 9.934.750 đồng (198.695.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và danh mục lệ phí, án phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Phạm Văn V được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.800.000 đồng theo biên lai thu số 0011039 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 261, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc đòi bà Văn Thị Kim E11 ông Huỳnh Tương L3 trả số tiền 198.695.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bà Văn Thị Kim E9 Huỳnh Tương L3 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn V số tiền 198.695.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Văn Thị Kim E9 Huỳnh Tương L3 cùng chịu 9.934.750 đồng tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và danh mục lệ phí, án phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Phạm Văn V được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.800.000 đồng theo biên lai thu số 0011039 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh